

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường Châu Á, sau khi Ngân hàng trung ương Hàn Quốc quyết định nâng lãi suất thêm 0.25 điểm phần trăm lên cao nhất 3 năm nhằm kiềm chế lạm phát

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm vào cuối phiên, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

MWG, DGC

## [Cập nhật công ty]

TCB, DGC

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng một phần vị thế trading khi chỉ số lùi xuống các vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần linh hoạt bán cân đối lại vị thế trong kịch bản chỉ số tiếp tục hồi phục

14/04/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,472.12	-0.34
VN30	1,518.01	-0.48
HĐTL VN30F1M	1,512.50	-0.47
HNXIndex	423.69	-0.88
HNX30	759.94	-1.51
UPCoM	113.41	+0.10
USD/VND	22,900	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.97	-2
Lãi suất qua đêm (%)	2.23	+28
Dầu (WTI, \$)	103.59	-0.63
Vàng (LME, \$)	1,971.09	-0.34



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,472.12 (-0.34%)  
**KLGD (triệu CP)** 523.4 (-14.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 808.0 (-16.2%)

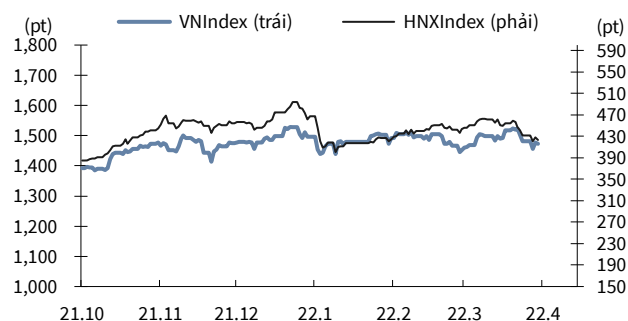
**HNXIndex** 423.69 (-0.88%)  
**KLGD (triệu CP)** 57.0 (-36.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 74.1 (-26.0%)

**UPCoM** 113.41 (+0.10%)  
**KLGD (triệu CP)** 34.0 (-41.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 34.7 (-12.7%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -10.2

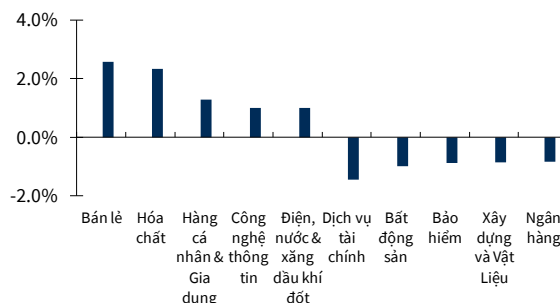
TTCK Việt Nam giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường Châu Á, sau khi Ngân hàng trung ương Hàn Quốc quyết định nâng lãi suất thêm 0.25 điểm phần trăm lên cao nhất 3 năm nhằm kiềm chế lạm phát. Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA) nhận định giá đường trong nước sẽ có diễn biến gắn với giá đường thế giới, hiện đang ở mức cao nhất trong 5 năm gần đây, giá cổ phiếu ngành đường tăng ở QNS (+4.4%), SLS (+1.5%). Cục Hàng không Việt Nam vừa kiến nghị Bộ Giao thông Vận tải điều chỉnh mức giá dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa, tăng trung bình 3.7% so với khung giá hiện hành, giá cổ phiếu ngành hàng không tăng ở HVN (+0.6%). Theo DTN, từ khi có chiến sự tại Ukraine, thị trường phân bón chịu tác động lớn khiến giá liên tục lập đỉnh mới, cổ phiếu ngành phân bón tăng ở DCM (+7%), DPM (+6.2%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (-0.7%), VND (-2.1%), VHM (-1.1%).

## VNIndex & HNXIndex



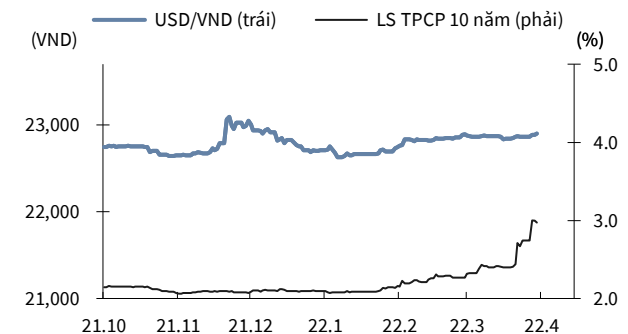
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

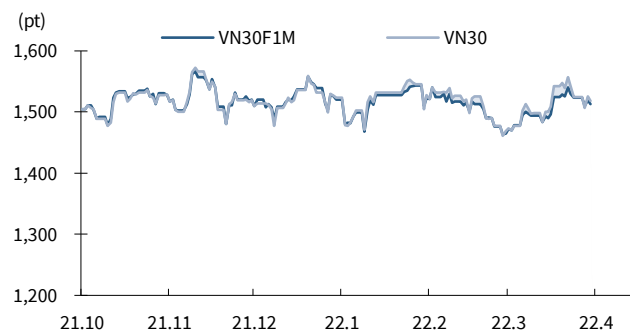
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,518.01 (-0.48%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,512.5 (-0.47%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,522.2</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,524.6</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,509.0</b>

Các HĐTL giảm điểm vào cuối phiên, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2204 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -5.6 điểm sau đó giảm dần xuống mức thấp nhất phiên tại -12.6 điểm trước khi thu hẹp vào cuối phiên, đóng cửa tại mức -5.5 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng với thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

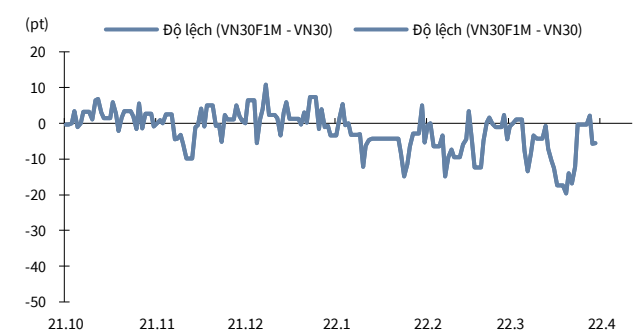
**KLGD (HĐ)**      **127,076 (-5.5%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



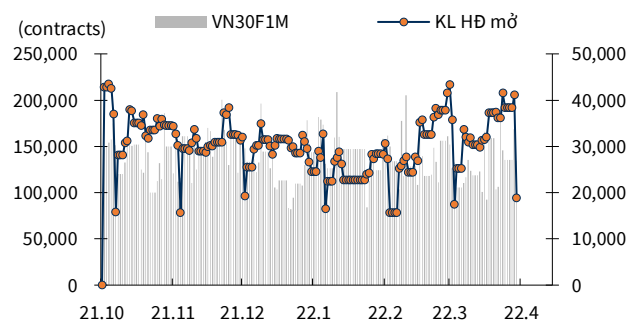
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



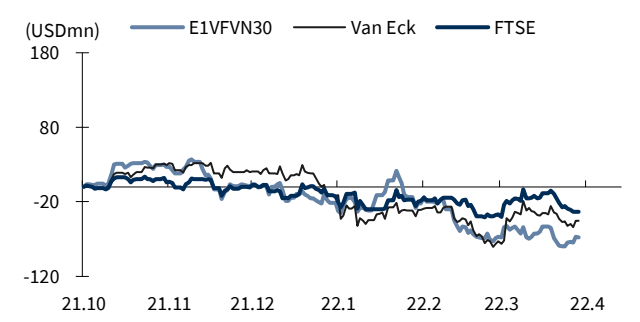
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

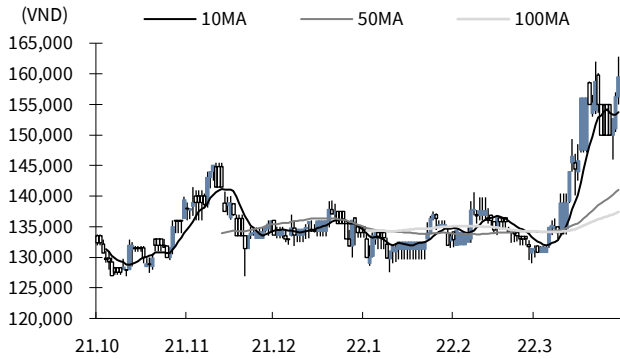
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)

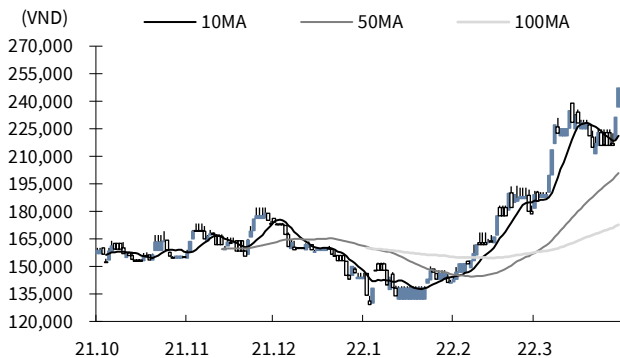


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 2.11% lên 159,500 VND/cp

- Công ty Đầu tư Thế Giới Di Động thông báo lập công ty con – Công ty cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh vốn điều lệ 10 tỷ đồng. Theo kế hoạch, MWG sẽ tái cấu trúc Công ty cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh. Cụ thể, công ty con mới thành lập sẽ mua lại toàn bộ cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh từ MWG và trở thành công ty mẹ và sau đó Công ty cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh sẽ phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư với tỷ lệ chào bán tối đa 20% với thời điểm thực hiện trong giai đoạn 2022-2023.

## CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DGC tăng 6.97% lên 247,200 VND/cp

- Tập đoàn Hóa chất Đức Giang công bố Nghị quyết HĐQT thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể, doanh nghiệp sẽ phát hành hơn 200 triệu cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 117% với thời điểm thực hiện trong tháng 4 và 5. Qua đó, vốn điều lệ tăng từ 1,711 tỷ đồng lên 3,713 tỷ đồng.

13/04/2022

**4Q2021, LNTT tăng 20.7%YoY, đạt 6,140 tỷ đồng.**

TCB ghi nhận thu nhập lãi thuần quý 4 đạt 7,245 tỷ VND (+7.5%QoQ và +32.8%YoY), thu nhập ngoài lãi đạt 2,910 tỷ VND (+42.8%QoQ và +26.2%YoY). Chi phí dự phòng 4Q2021 tăng mạnh 71.2%YoY, đạt 627 tỷ đồng từ đó LNTT 4Q2021 tăng khoảng 20.7%YoY, đạt 6,140 tỷ đồng.

**Kỳ vọng thỏa thuận phí bảo hiểm mới giữa Techcombank và Manulife**

Thỏa thuận hợp tác của TCB và Manulife được ký vào năm 2017 có thời hạn 15 năm với khoảng phí upfront 1,466 tỷ VND. Các thỏa thuận hợp tác bảo hiểm trong 2 năm gần đây thường có phí upfront rất lớn như giữa CTG và Manulife là 8,050 tỷ VND hay VCB và FWD là 9,200 tỷ VND. Đồng thời đầu năm nay, VPB gia hạn thỏa thuận cùng AIA lên 19 năm, phí upfront mới ước tính là 6,000 tỷ VND. Chúng tôi kỳ vọng trong thời gian tới 2 bên có thể thỏa thuận lại mức phí upfront cao hơn nhờ (1) tiềm năng khai thác từ tập khách hàng có thu nhập cao của TCB là rất lớn; (2) tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam hiện nay còn thấp khi so sánh với các thị trường mới nổi và các thị trường phát triển.

**Tích cực đẩy mạnh đầu tư ngân hàng số nhằm duy trì tỷ lệ CASA cao**

Dự án đám mây sử dụng Amazon Web Services và việc ra mắt ứng dụng mobile banking mới nhằm cung cấp cho người dùng sự trải nghiệm tốt hơn hứa hẹn sẽ góp phần duy trì và gia tăng tỷ lệ CASA của TCB trong năm 2022.

**Kế hoạch kinh doanh năm 2022**

TCB đặt kế hoạch tăng trưởng tín dụng của ngân hàng mẹ đạt 446,554 tỷ đồng, tăng 15%YTD. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất tăng trưởng 16.2%YoY, đạt 27,000 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu duy trì ở mức 1.5%. Kế hoạch IPO TCBS đang được lên kế hoạch và dự kiến triển khai trong 1 – 2 năm tới.

**Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 65,600 VND/cp**

Sử dụng 2 phương pháp định giá PB và Chiết khấu lợi nhuận vượt trội, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu của cổ phiếu TCB là 65,600 VND/cp, cao hơn 36.7% so với giá tại ngày 12/04/2022. Khuyến nghị MUA.

## MUA

Giá mục tiêu	VND 65,600
Tăng/giảm	36.7%
Giá hiện tại (08/4/2022)	48,000
Giá mục tiêu thị trường	67,800
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	171,508

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	18,751	26,695	36,249	42,860
LN trước CF DPRRD (tỷ VND)	18,411	25,903	32,714	41,420
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	12,325	18,038	23,150	29,631
EPS	3,516	5,138	6,561	8,356
Tăng trưởng EPS (%)	22.2%	46.1%	27.7%	27.4%
PER (x)	8.96	9.73	9.9	9.6
Giá trị số sách/CP (BVPS)	20,392	25,481	31,872	40,356
PBR (x)	1.54	1.96	2.0	1.6
ROE (%)	18%	21.5%	22.4%	22.7%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

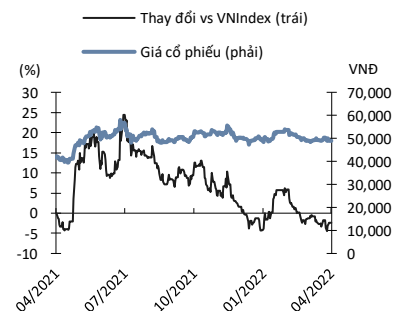
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	84.54%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	4,280/0.18
Sở hữu nước ngoài (%)	22.47%
Cơ cấu cổ đông	MSN (14.96%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-0.31%	-1.21%	-7.83%	16.45%
Tương đối	-400	-600	-4,150	6,900



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC)

## Hưởng lợi từ đà tăng giá phốt pho

14/04/2022

 Chuyên viên phân tích Thái Hữu Công  
 congth@kbsec.com.vn

### Nguồn cung được dự báo tiếp tục thiếu hụt trong ngắn hạn

Nguồn cung phốt pho vẫn tiếp tục thiếu hụt trong ngắn hạn do (1) không có thêm dự án nâng cấp lớn nào được triển khai trên thế giới trong giai đoạn 2022-2024; (2) Trung Quốc hạn chế xuất khẩu các sản phẩm gốc phốt pho đến hết quý 2/2022; (3) các lệnh trừng phạt của phương Tây cùng với việc hạn chế xuất khẩu nhiều mặt hàng của Nga.

### Nhu cầu tiêu thụ phốt pho duy trì ở mức cao trong năm 2022

Điều kiện thời tiết thuận lợi cùng với diễn biến tích cực của giá nhiều loại nông sản thúc đẩy việc tiêu thụ phân bón. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng các sản phẩm hoá chất gốc phốt pho được dự báo tiếp tục tăng trưởng trong bối cảnh thiếu hụt chip đến cuối năm 2022 cùng với xu hướng chuyển dịch sang pin xe điện LFP.

### Giá điện duy trì ở mức thấp cùng với việc tự chủ được nguồn cung sẽ giúp DGC duy trì lợi thế cạnh tranh.

Giá điện công nghiệp Việt Nam ở mức tương đối thấp so với các nước sản xuất phốt pho lớn. Mặc dù giá các nguyên liệu sơ cấp như than và dầu khí tăng cao, việc EVN cam kết sẽ không tăng giá điện trong năm 2022 sẽ giúp cho phốt pho Việt Nam duy trì lợi thế cạnh tranh. Cùng với đó là việc đưa khai trường 25 vào khai thác trong cả năm 2022 sẽ giúp DGC cải thiện biên lợi nhuận.

### Khuyến nghị **NẮM GIỮ** cổ phiếu DGC với giá mục tiêu 254,000 VND/cổ phiếu

Chúng tôi nhận định trong năm 2022, doanh thu dự kiến của DGC ước đạt 12,528 tỷ VND (+31% YoY) và LNST đạt 4,141 tỷ VND (+64.7% YoY). Dựa vào triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **NẮM GIỮ** với cổ phiếu DGC, mức giá mục tiêu 254,000 VND/CP, cao hơn 9.09% mức giá đóng cửa ngày 13/04/2022.

## NẮM GIỮ

### Giá mục tiêu 254,000 VND/cp

Tăng/giảm (%)	9.09%
Giá hiện tại (13/04/2022)	231,100
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	36,953.21/1.62

### Dự phóng KQKD & định giá

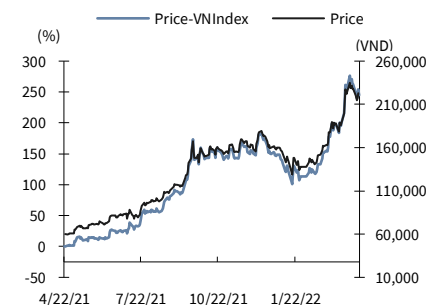
FY - end	2019A	2020A	2021A	2022F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,091	6,236	9,550	12,528
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	596	1,024	2,644	4,353
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	572	948	2,514	4,141
EPS (nghìn VND)	4,241	5,733	13,125	23,105
Tăng trưởng EPS (%)		35%	129%	76%
P/E (x)	4.1	7.7	12.2	11.0
P/B (x)	0.9	1.9	4.3	4.6
ROE (%)		24%	46%	51%
Tỷ suất cổ tức, phổ thông (%)	40%	35%	25%	30%

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	55%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	304.54/
Sở hữu nước ngoài	14.02%
Cổ đông lớn	Dao Huu Huyen (18.51%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	20	56	34	265
Tương đối	18	54	27	245

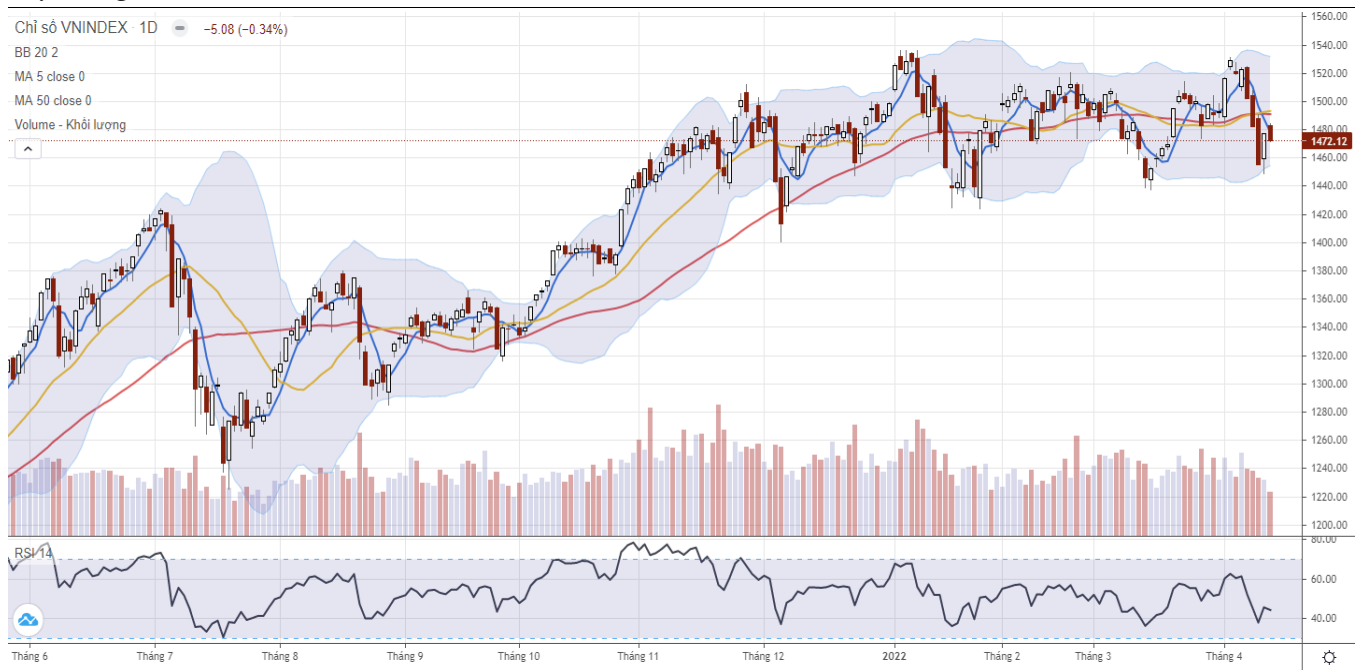


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

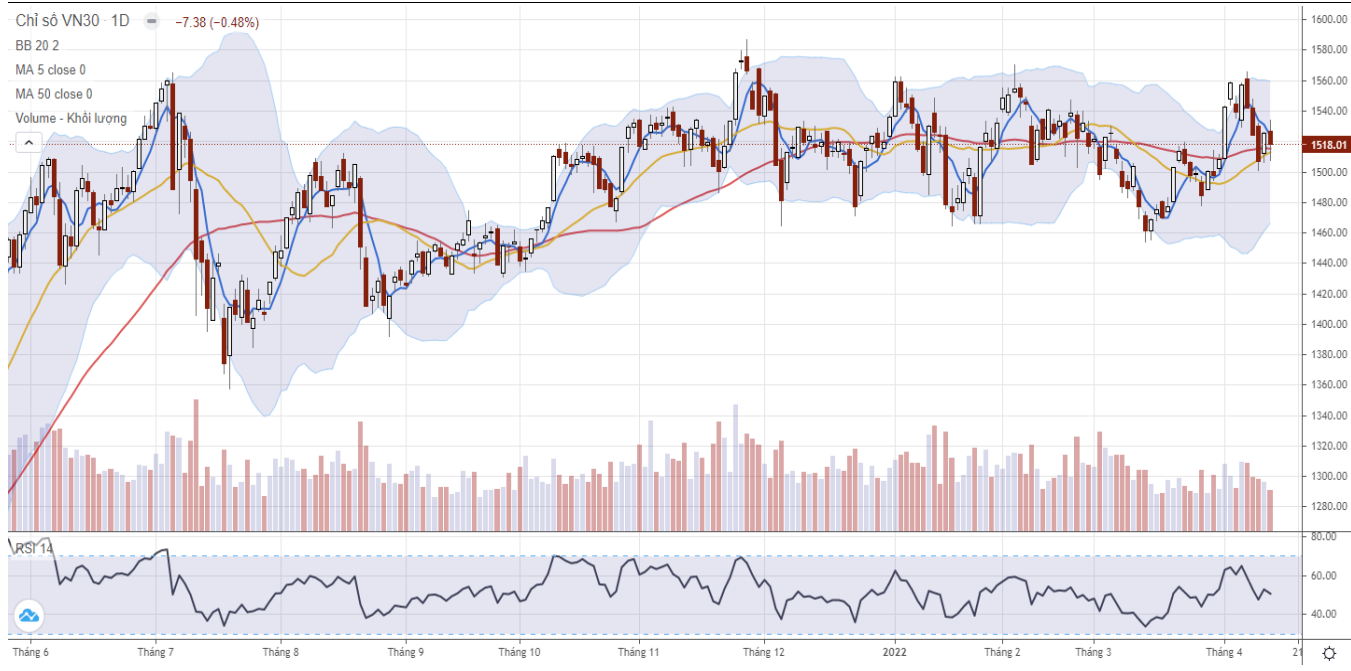
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



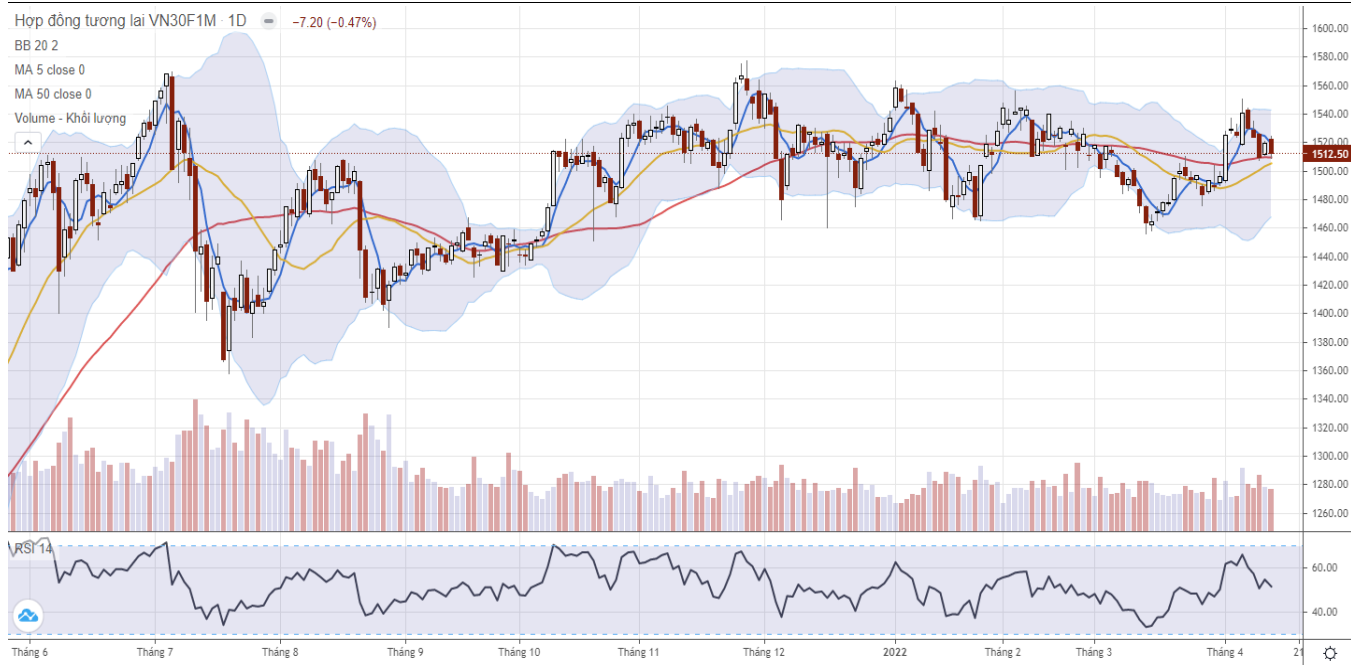
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co đầu phiên trước khi dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Sau khi hồi phục tích cực từ vùng hỗ trợ mạnh trong phiên liền trước, VNIndex đã cho phản ứng rung lắc điều chỉnh trước tác động từ vùng cản gần 148x. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ còn tiếp diễn trong những phiên tới, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục vẫn tiếp tục được bảo lưu với vùng hỗ trợ gần quanh 1460.
- NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng một phần vị thế trading khi chỉ số lùi xuống các vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần linh hoạt bán cân đối lại vị thế trong kịch bản chỉ số tiếp tục hồi phục.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1535 - 1540

Kháng cự gần: 1525 - 1529

Hỗ trợ gần: 1505 - 1508

Hỗ trợ xa: 1492 - 1496

- F1 tăng điểm giảm cơ đầu phiên trước khi dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Sau khi hồi phục tích cực từ vùng hỗ trợ mạnh trong phiên liền trước, F1 đã cho phản ứng rung lắc điều chỉnh trước tác động vùng cản gần 152x. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ còn tiếp diễn trong những phiên tới, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục vẫn tiếp tục được bảo lưu với vùng hỗ trợ gần quanh 150x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các nhịp hồi sớm nhưng ưu tiên mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

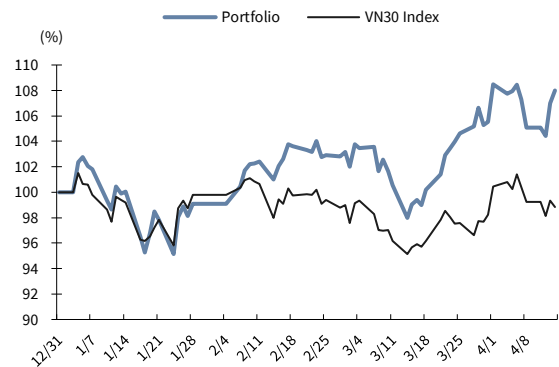
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.48%	0.94%
Tăng lũy kế (YTD)	-1.15%	7.99%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 14/04/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	159,500	2.1%	106.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	72,200	6.2%	19.7%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	117,000	0.9%	52.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	207,000	-1.0%	7.8%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	82,000	1.1%	141.2%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	116,600	1.3%	300.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	31,200	-1.0%	65.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	111,600	1.4%	52.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	44,900	-0.7%	210.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	50,900	-1.0%	271.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duê cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	7.0%	14.1%	92.6
DPM	6.2%	11.3%	63.7
GEX	-0.6%	8.5%	58.3
DCM	7.0%	6.5%	43.3
NVL	-1.7%	6.5%	39.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.7%	21.9%	-176.1
VND	-2.1%	18.2%	-94.0
VHM	-1.1%	23.6%	-73.2
VNM	-1.2%	54.3%	-41.2
NLG	-1.7%	31.9%	-53.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-2.6%	1.3%	10.0
PVS	0.3%	8.4%	9.6
PLC	1.1%	1.6%	0.9
IVS	0.0%	70.6%	0.9
TVD	2.9%	2.4%	0.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVB	-7.4%	8.0%	-16.6
SHS	2.4%	8.2%	-9.5
BCC	-2.2%	1.8%	-1.7
TNG	1.5%	1.9%	-1.0
CLH	-1.7%	3.0%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	2.9%	MWG, FRT
Công nghệ thông tin	1.8%	FPT, CMG
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.1%	MSH, PNJ
Hóa chất	0.3%	DGC, DPM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.3%	HAH, LGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.0%	YEG, ADG
Dịch vụ tài chính	-4.3%	SSI, VCI
Xây dựng và Vật Liệu	-4.2%	VGC, VCG
Dầu khí	-4.2%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-3.9%	HPG, HSG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	22.0%	FPT, CMG
Bán lẻ	18.5%	MWG, DGW
Bảo hiểm	9.8%	BVH, MIG
Hàng cá nhân & Gia dụng	8.2%	PNJ, MSH
Hóa chất	8.1%	DGC, DPM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-9.2%	YEG, ADG
Du lịch và Giải trí	-5.1%	VJC, HVN
Ô tô và phụ tùng	-4.8%	TCH, SVC
Dầu khí	-3.7%	PVD, PLX
Tài nguyên Cơ bản	-3.4%	HPG, HSG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND triệu, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	245,623 (10.7)	22.5	75.0	40.1	14.7	4.4	7.3	3.1	2.8	-0.6	1.5	4.3	-14.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	300,865 (13.2)	26.6	8.8	7.5	35.9	24.6	22.7	2.0	1.6	-1.1	-5.2	-3.0	-11.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	126,734 (5.5)	17.8	26.9	18.5	-7.6	9.0	11.6	2.2	2.1	0.0	-5.2	-0.5	5.8
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	458,218 (20.0)	31.3	29.7	19.4	6.7	15.2	18.7	4.0	3.2	-1.7	-1.5	11.1	-6.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	61,530 (2.7)	11.6	23.0	18.5	13.7	13.7	14.4	2.6	2.3	-1.0	-1.8	-0.2	-1.8
DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	543,369 (23.8)	13.9	17.4	19.3	-	15.0	12.4	1.9	2.3	-0.1	-8.2	-0.4	13.6	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	83,987 (3.7)	6.3	14.3	11.8	11.7	20.9	21.7	2.7	2.3	-1.7	-4.3	-3.8	2.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	109,652 (4.8)	12.7	15.2	11.0	-5.3	17.2	20.2	2.2	1.7	-1.0	-6.9	-1.9	9.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	282,528 (12.4)	0.0	7.7	6.3	14.3	21.0	20.6	1.5	1.2	-1.5	-5.2	-2.5	-5.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	169,436 (7.4)	1.4	7.6	6.4	50.3	20.1	20.9	1.4	1.2	-1.0	-4.3	-2.2	-8.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	662,374 (29.0)	0.0	12.0	9.6	18.8	16.2	16.9	1.8	1.5	1.3	-1.1	9.7	10.3
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	414,684 (18.1)	0.0	8.0	6.4	14.6	23.7	23.2	1.6	1.3	-0.9	-3.1	2.1	11.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	100,954 (4.4)	4.2	7.6	6.3	23.3	21.8	21.1	-	-	-2.5	-5.9	0.7	-11.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	456,691 (20.0)	14.0	13.4	7.9	26.5	13.9	17.8	1.5	1.3	-1.8	-4.8	-5.2	-2.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	191,849 (8.4)	0.0	9.2	7.4	37.4	23.0	22.6	1.9	1.6	-2.4	-5.1	-0.4	-4.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	20,463 (0.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.9	-7.3	-7.7	0.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	90,624 (4.0)	21.0	21.0	18.0	15.8	10.2	11.1	2.0	1.9	-1.3	-4.1	13.4	11.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	31,893 (1.4)	14.2	38.0	17.2	9.1	11.6	13.5	4.2	1.9	-0.5	-9.4	1.8	-9.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	321,180 (14.0)	55.4	18.8	17.7	-3.2	15.2	15.2	-	-	-1.3	-5.8	-2.8	-18.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	119,811 (5.2)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.5	-8.6	-9.1	-26.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	111,124 (4.9)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-1.5	-9.2	-8.0	-29.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	390,075 (17.1)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-2.1	-2.7	8.8	3.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	242,212 (10.6)	42.1	15.9	14.7	4.0	30.9	32.9	4.6	4.3	-1.2	-3.8	-1.2	-11.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	23,463 (1.0)	36.9	25.0	20.6	7.3	19.6	21.4	4.5	4.1	2.1	-1.5	8.4	10.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	142,690 (6.2)	16.5	33.4	24.4	-51.9	17.9	22.6	5.6	4.5	-0.9	-1.9	10.8	-11.8
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	118,797 (5.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.0	-7.7	-1.9	-23.9	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	127,455 (5.6)	11.0	119.1	24.0	-88.5	6.8	19.8	-	-	-0.9	-2.9	-5.6	6.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	177,435 (7.8)	10.8	23.4	20.5	-57.0	12.2	13.6	2.6	2.5	1.4	-2.8	8.9	19.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	254,417 (11.1)	38.4	10.2	13.3	65.7	14.1	9.3	1.3	1.4	0.0	-9.4	0.0	-37.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	141,654 (6.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	5.3	-	-	-60.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	608,711 (26.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-0.6	-3.7	-2.2	-11.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	92,802 (4.1)	3.6	15.9	11.8	-52.4	4.2	5.4	0.6	0.6	-1.6	-	-	-31.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	69,488 (3.0)	0.0	12.9	10.7	-4.5	13.8	14.4	1.7	1.6	1.1	-3.2	12.5	18.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtrệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	69,147 (3.0)	46.1	18.4	17.0	-17.5	20.5	19.5	3.8	3.5	1.4	-1.8	5.3	16.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,509 (0.9)	31.4	12.4	9.9	-10.5	14.3	15.8	1.5	1.4	0.7	-4.0	2.4	-12.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,864 (0.1)	34.1	15.3	9.5	-5.1	10.1	17.3	1.3	1.3	-0.9	-3.7	-3.9	-12.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	766,988 (33.5)	18.0	6.9	6.7	21.9	28.1	23.1	1.7	1.4	-0.7	-5.0	-2.0	-3.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	452,833 (19.8)	36.5	8.7	18.2	-0.5	32.8	17.8	2.8	3.7	6.2	16.3	16.8	44.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	344,630 (15.1)	46.5	9.5	14.0	-4.5	29.9	17.6	2.5	2.2	7.0	9.9	0.9	18.9
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	328,713 (14.4)	38.9	5.3	6.1	67.9	24.0	19.9	1.2	1.0	0.3	-7.6	-	-11.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	118,419 (5.2)	97.2	16.7	16.8	17.2	7.0	-	1.2	1.1	-0.6	-6.3	0.0	-14.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	92,158 (4.0)	4.6	20.1	16.0	-51.0	14.1	15.9	2.1	2.0	0.0	-2.3	-2.1	1.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	198,998 (8.7)	39.9	32.0	15.0	-11.9	3.3	5.9	0.9	0.9	1.7	-	-	2.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	102,316 (4.5)	35.9	8.9	7.7	2.2	16.5	16.4	1.3	1.1	1.1	-2.9	-3.4	-1.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	299,904 (13.1)	0.0	17.7	14.8	14.4	28.1	28.0	4.7	4.0	2.1	0.4	21.1	17.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	118,133 (5.2)	0.0	20.0	16.3	2.4	20.9	20.8	3.6	3.0	0.9	-0.9	18.8	21.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	11,677 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.9	-	-	-9.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	141,260 (6.2)	30.3	20.9	18.4	-75.2	30.4	27.8	5.9	4.8	6.6	5.7	32.5	65.0
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	47,752 (2.1)	34.6	10.8	12.2	41.2	35.0	25.3	3.1	2.6	-0.6	-2.1	8.5	13.2
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,467 (0.2)	45.4	17.0	15.6	10.7	20.1	19.9	3.1	2.9	-0.7	-4.4	-6.6	-9.6
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	309,968 (13.6)	0.0	21.0	16.8	15.5	27.3	29.5	5.1	4.4	1.3	3.2	27.0	25.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656  
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276  
Email: ccc@kbsec.com.vn  
Website: www.kbsec.com.vn

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.